

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20- 02-2024
“V/v ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Đỗ Thị Cẩm Tú.

2- Bà Trần Thu Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang:* Bà Lai Thị Ngọc Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích N, sinh ngày 13/9/1998 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Cao Mộng T, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Bích N trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị N và anh Cao Mộng T kết hôn với nhau năm 2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 14/10/2020, vợ chồng về chung sống thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm cho vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, từ đó vợ chồng ly thân với nhau. Nay chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Cao Mộng T.

Về con chung: Có 01 người con tên Cao Minh S, sinh ngày 15/8/2020, hiện nay đang sống với chị. Nay chị N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Cao Mộng T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh T vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Cao Mộng T có ý kiến trình bày là anh thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của chị N cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Bích N.

Về con chung: Anh đồng ý giao con tên Cao Minh S, sinh ngày 15/8/2020 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Bích N vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Cao Mộng T.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thoả thuận của chị Trần Thị Bích N và anh Cao Mộng T tự nguyện ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của chị Trần Thị Bích N và anh Cao Mộng T là giao con tên Cao Minh S, sinh ngày 15/8/2020 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Bích N và anh Cao Mộng T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Cao Mộng T được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ nhất mà vẫn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, anh T đã có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bích N và anh Cao Mộng T kết hôn với nhau năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ngày 14/10/2020 nên hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, vợ chồng về chung sống được thời gian thì phát sinh ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cãi với nhau nên vợ chồng đã ly thân với nhau cho đến nay, trong quá trình ly thân anh chị và gia đình cũng không tự hoà giải với nhau được.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị N và anh T đã tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau. Xét thấy, sự tự nguyện của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị Bích N và anh Cao Mộng T là giao con tên Cao Minh S, sinh ngày 15/8/2020 cho chị Như tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Bích N và anh Cao Mộng T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như đã nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm

a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bích N và anh Cao Mộng T.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của chị Trần Thị Bích N và anh Cao Mộng T là giao con tên Cao Minh S, sinh ngày 15/8/2020 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị N và anh T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Bích N và anh Cao Mộng T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số: 0009124 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị N có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/02//2024). Đối với anh T vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm

